

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:28 /2017/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có toạ độ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Tài nguyên và Môi trường- Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai;

Căn cứ Thông tư số 50/2013/TT- BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT- BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; Thông tư số 233/2016/TT- BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2016/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT- BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ

Xét nội dung Công văn số 1909/STS-GCS ngày 21/7/2017 của Sở Tài chính, đề xuất của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng tại Tờ trình số 665/TTr-TTKTTNMT ngày 26/5/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3358/STNMT-KHTC ngày 12/12/2016 và Công văn số 1684/STP- XDKTVB ngày 05/7/2017 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo văn bản, trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Ủy viên UBND thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh .

Quyết định này quy định giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính được áp dụng trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có toạ độ tỉ lệ 1/500 trên cơ sở các mức khó khăn theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là giá dịch vụ đo đạc bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có toạ độ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đo đạc, lập bản đồ tỷ lệ 1/500 ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có toạ độ

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ đo đạc, lập bản đồ tỷ lệ 1/500 ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có toạ độ

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có toạ độ tỷ lệ 1/500

Điều 3. Mức giá dịch vụ

TT	Mức khó khăn	Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính (đồng/ha)
1	Khó khăn 1	10.607.000
2	Khó khăn 2	12.237.000
3	Khó khăn 3	14.217.000
4	Khó khăn 4	16.612.000
5	Khó khăn 5	19.445.000

- Mức khó khăn của công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính được xác định theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Mức giá trên là giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có toạ độ đã bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung, lợi nhuận dự kiến và thuế giá trị gia tăng 10% theo quy định

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Các tổ chức cung cấp dịch vụ phải thực hiện công khai thông tin và niêm yết giá tại Điều 3 Quyết định này,; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định; thực hiện quản lý, sử dụng hoá đơn, chứng từ, chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật và theo cơ chế tự chủ tài chính (đối với đơn vị sự nghiệp công). Tổ chức, cá nhân nào có hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số

109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP

2. Cục Thuế thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm hướng dẫn cho các tổ chức cung cấp dịch vụ nêu trên sử dụng chế độ hoá đơn, chứng từ theo đúng quy định; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

3. Sở Tài chính hướng dẫn các tổ chức cung cấp dịch vụ đo đạc, lập bản đồ tỷ lệ 1/500 ở những nơi chưa có bản đồ có toạ độ thực hiện niêm yết giá theo đúng quy định và tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và chế độ kế toán, tài chính hiện hành.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và xử lý vi phạm theo lĩnh vực chuyên ngành quản lý.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/9/2017 và bãi bỏ Khoản 6, Điều 1 Quyết định số 9150/QĐ-UB ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: , Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Văn Miên